

Số: 1221/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8683/TTr-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

1. Giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho Ủy ban Dân tộc,

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại Phụ lục kèm theo.

2. Giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho 16 tỉnh (Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Bình Phước, Sóc Trăng, Cà Mau) để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tại Phụ lục kèm theo.

3. Giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia được giao tại Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan: Ủy ban Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ đạo thực hiện phân bổ, giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 tỉnh (Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Bình Phước, Sóc Trăng, Cà Mau) chỉ đạo thực hiện phân bổ, giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc bảo đảm phù hợp với các quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Hiệp định cam kết với nhà tài trợ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ từng chương trình mục tiêu quốc gia theo địa bàn quản lý; kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ phê duyệt dự án, tổ chức thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 đảm bảo

đúng quy định pháp luật; cá thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Các cơ quan trung ương (bao gồm: Ủy ban Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam), Ủy ban nhân dân 16 tỉnh (bao gồm: Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Bình Phước, Sóc Trăng, Cà Mau) phân bổ chi tiết dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương bổ sung năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc theo nội dung, dự án thành phần và danh mục dự án đầu tư công (nếu có); báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần kết quả phân bổ trước ngày 30 tháng 10 năm 2023.

b) Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo cập nhật kết quả phân bổ, giao và tổ chức thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 (bao gồm: vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) của các chương trình mục tiêu quốc gia về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ chương trình trước ngày 20 hằng tháng.

2. Bộ Y tế hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn đảm bảo đúng mục tiêu, hiệu quả và tiến độ thực hiện, giải ngân vốn theo quy định.

3. Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chủ dự án thành phần:

a) Giám sát, đôn đốc tiến độ phân bổ, giao dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn và tổ chức thực hiện các nội dung thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đảm bảo tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn trong năm 2023.

b) Tổng hợp tiến độ thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 25 hằng tháng.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan chủ Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính

chính xác của số liệu, nội dung báo cáo đề xuất; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình phân bổ, giao kế hoạch và thực hiện kế hoạch đầu tư vốn giao bổ sung trong năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

5. Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo tiến độ phân bổ, giải ngân dự toán chi đầu tư giao bổ sung trong năm năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.


Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Đoàn ĐBQH của các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Các cơ quan (phụ lục kèm theo);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3). 180

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khải



Phụ lục

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-TTg

ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục các chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023
Tổng số	92.765
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	92.765
Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	92.765
<i>Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc</i>	92.765



Phụ lục

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục các chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023
Tổng số	20.108
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	20.108
Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	20.108



Phụ lục
BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục các chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023
Tổng số	67.027
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	67.027
Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	67.027
Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc	67.027



Phụ lục
BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục các chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023
Tổng số	3.288
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.288
Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	3.288
Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.288



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 124 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	27,4
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	2,1



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	82.682
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	82.682

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2 - 2,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	60,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	12,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	6,8



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	12,2



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	52,4
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	16,8
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,1



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	6
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	56,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	13,9



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	70
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	34,3



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,8
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	4
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	96
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	10,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	4,1



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2 - 2,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	31,6
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	13,3



Phụ lục I
BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU
TU VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	91.051
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	91.051

Ghi chú:

(1): Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	4
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	68,9
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	10



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	35.466
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	35.466

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	6
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	84,6
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	30,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	5,5



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2,5-3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	61,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	26,6
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	4,1



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	31,4
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	6,8



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	30.592
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	30.592

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II
NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3,1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	41,5



Phụ lục I
BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	79.934
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	79.934

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	27,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	7,7



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	1
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,03 - 0,04 (theo chuẩn nghèo thành phố)
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	18
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	29,1
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	5,2



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,35
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	7
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	63,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	41,6



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,08
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	12
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	57,1
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	28,6



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,38
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Tỉnh hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		
2.2	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	12
2.3	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	25
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	6



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,39
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Tỉnh hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		
2.2	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	10
2.3	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	85
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	16



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,35
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	4
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	2

Phụ lục


**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,05
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	7
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	18,6



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,53
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Tỉnh hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		
2.2	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	6
2.3	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	9,6
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	22,9



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,05 - 0,1
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Tỉnh hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		
2.2	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	10
2.3	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	91,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	5,8



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	Giảm 2/3 so năm 2021
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,38
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	8
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	31,1
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	12,6



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	8
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	12,7



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	13
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	79,4
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	20,3
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	4,6



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	121.030
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	121.030

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1-1,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	9
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	76,9
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	17,1
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,2



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	82.557
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	82.557

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,6 - 1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	8
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	84,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	19
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	3,9

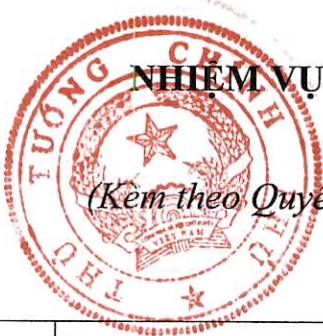


Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1421 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	71,9
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	13
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	1,1



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1 - 1,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	73,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	11,8



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,7 - 0,75
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	77,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	13,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,7



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	18,2



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	75.562
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	75.562

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,3 - 0,4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	4
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	67
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	18,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	1,5



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1 - 1,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	70,9
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	13,3



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	5
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	76,1
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	15,1
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	1,2

Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



(Kèm theo Quyết định số 1224/QĐ-TTg

ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	42.586
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	42.586

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,7 - 1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	75,9
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	14,3



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,33 - 0,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	71,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	26,1
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,2



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	70,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	15,2



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	53.453
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	53.453

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II
NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2023
 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,35 - 0,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	78,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	17,8



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,5 - 2
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	56,6
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	5,8



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	67.068
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	67.068

Ghi chú:

(1): Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	61,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	5,4



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg

ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	45.334
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	45.334

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	54,9
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	3



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	31.594
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	31.594

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1121 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	56,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	8,3
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,1



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	7
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	98
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	52,3
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	21,1



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,35 (theo chuẩn nghèo thành phố)
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	5
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	100



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,07
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Tỉnh hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		
3.2	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	11
3.3	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	64,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	10,8



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,3
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	82,9

Phụ lục I



BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	55.826
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	55.826

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	Giảm 3/4 so năm 2021
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,71
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	93
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	33,8



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,1 - 0,15
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	91,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	33,8
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	4,2



Phụ lục

NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,2-0,5 (theo chuẩn nghèo của tỉnh)
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	6
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	72,3
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	12,8



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,16
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	4
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	78,9
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	31,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	1,6



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	7
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	99,3
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	35,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,9



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1 - 1,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	68,3
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	28,4
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,1



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	8
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	50
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,4

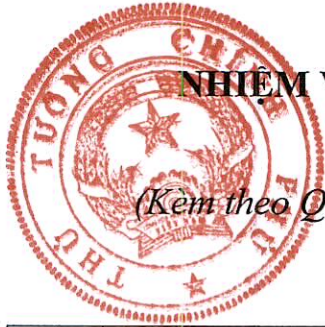


Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,41
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	88,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	32,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	5,2



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 124 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	1
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	4
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	55,6
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	5,6



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	72,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	8,1

Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1202/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	82.932
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	82.932

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	87,5
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	31,4
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,9



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3,5
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1 - 1,2
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	3
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	68,2
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	45,3
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	2,7



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
2.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	5
2.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	89,6
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	9,7



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	3
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,2
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	7
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	94,8
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	12,7



Phụ lục

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 144 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1 - 1,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	2
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	36,7
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới kiểu mẫu	%	10,2

Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 1221 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị: Triệu đồng

Tên chương trình	Dự toán, kế hoạch bổ sung năm 2023 (vốn nước ngoài)
Tổng số	47.333
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾	47.333

Ghi chú:

⁽¹⁾: Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.



Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	2
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	đơn vị	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	71
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	12